

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Quang Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh

2. Ông Nguyễn Mạnh Hùng

- Thư ký phiên toà: Ông Lưu Quốc Trọng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kim Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 439/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/11/2023, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2024/QĐXXST-DS ngày 08/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1988

Cư trú tại: Đội 2, thôn H, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Ông Đỗ Thanh T, sinh năm 1987

Cư trú tại: Đội 12, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

(Tại phiên tòa, bà M có mặt, ông T vắng mặt lần hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị M trình bày:

Bà và ông Đỗ Thanh T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Tịnh Ấn Đông, huyện Sơn Tịnh (nay là thành phố Quảng Ngãi), tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/12/2013. Sau khi kết hôn, bà và ông T sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, bà và ông T sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, phần ai nấy sống, không quan tâm đến nhau.

Bà và ông T có 03 con chung là cháu Đỗ Thị Kim N sinh ngày 12/11/2013, cháu Đỗ Lê Kim L1 sinh ngày 25/5/2017, cháu Đỗ Thị Ngọc L2 sinh ngày 26/11/2021. Sau khi kết hôn, bà và ông T sống ở nhà cha mẹ của bà và sinh được cháu N và cháu L1; đến năm 2021, khi mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, ông T dẫn cháu N và cháu L1 về phía nhà cha mẹ của ông T sống cho đến nay, còn bà và cháu L2 vẫn tiếp tục sống ở nhà cha mẹ của bà cho đến nay.

Hiện nay bà đang sống nhờ ở nhà mẹ ruột, bà không có tài sản và không có nghề nghiệp nên không có thu nhập, do đó không có điều kiện để nuôi dưỡng cả 03 con. Nay, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn ông Đỗ Thanh T.

- Về con chung: Bà và ông T có 03 con chung là cháu Đỗ Thị Kim N sinh ngày 12/11/2013, cháu Đỗ Lê Kim L1 sinh ngày 25/5/2017, cháu Đỗ Thị Ngọc L2 sinh ngày 26/11/2021. Bà đồng ý giao cháu N và cháu L1 cho ông T nuôi dưỡng, bà nuôi dưỡng cháu L2, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là ông Đỗ Thanh T trình bày:

Ông thống nhất với phần trình bày của bà Lê Thị M về đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, nhưng ông cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng như bà M trình bày, nên ông không đồng ý ly hôn.

Ông và bà M có 03 con chung là cháu Đỗ Thị Kim N sinh ngày 12/11/2013, cháu Đỗ Lê Kim L1 sinh ngày 25/5/2017, cháu Đỗ Thị Ngọc L2 sinh ngày 26/11/2021. Ông thống nhất với lời trình bày của bà M về việc: Vì ông và bà M chưa có nhà riêng nên từ sau khi kết hôn, ông và bà M không có chỗ ở ổn định, nay ở nhà cha mẹ của bà M một thời gian, mai ở nhà cha mẹ của ông một thời gian. Hiện nay, cháu N và cháu L1 đang ở với ông ở nhà cha mẹ của ông, còn bà M và cháu L2 ở nhà của cha mẹ bà M.

Hiện nay ông làm nghề tài xế lái máy đào, thu nhập bình quân từ 4.500.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng. Trường hợp Tòa án có căn cứ chấp nhận cho ly hôn, ông yêu cầu được nuôi cả 03 con, yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000 đồng, tổng cộng 03 con mỗi tháng là 3.600.000 đồng hoặc bà M phải nuôi cả 03 con, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Bà Lê Thị M được ly hôn ông Đỗ Thanh T.

+ Giao cháu Đỗ Thị Ngọc L2 sinh ngày 26/11/2021 cho bà Lê Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Đỗ Thị Kim N sinh ngày 12/11/2013, cháu Đỗ Lê Kim L1 sinh ngày 25/5/2017 cho ông Đỗ Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thị M, ông Đỗ Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà Lê Thị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, ông Đỗ Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp L1 hai lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Lê Thị M và ông Đỗ Thanh T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn, được UBND xã Tịnh Ấn Đông, huyện Sơn Tịnh (nay là thành phố Quảng Ngãi), tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/12/2013, nên hôn nhân của bà M và ông T là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, bà M và ông T xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Từ năm 2021, bà M và ông T đã sống ly thân, phần ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến cuộc

sống của nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M đối với ông T.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà M và ông T có 03 con chung là cháu Đỗ Thị Kim N sinh ngày 12/11/2013, cháu Đỗ Lê Kim L1 sinh ngày 25/5/2017, cháu Đỗ Thị Ngọc L2 sinh ngày 26/11/2021.

Bà M yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L2, giao cháu N và cháu L1 cho ông T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Còn ông T yêu cầu được nuôi cả 03 con, yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000 đồng, tổng cộng 03 con mỗi tháng là 3.600.000 đồng hoặc bà M phải nuôi cả 03 con, ông T không cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của bà M cũng như trình bày của ông T, thấy rằng hiện nay cháu N và cháu L1 đang ở cùng ông T, còn cháu L2 đang ở với bà M; mặt khác, tại văn bản trình bày ngày 18/3/2024 cháu N và cháu L1 đều có nguyện vọng được ở cùng ông T; hiện nay ông T có nghề nghiệp là lái xe máy đào có thu nhập ổn định, còn bà M không có nghề nghiệp nên không đảm bảo điều kiện để nuôi 03 con. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định cuộc sống và sự phát triển bình thường của các cháu nên giao cháu N, cháu L1 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu L2 cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Bà M và ông T đều trình bày không có, nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà M và ông T đều trình bày không có, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị M được ly hôn ông Đỗ Thanh T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đỗ Thị Ngọc L2 sinh ngày 26/11/2021 cho bà Lê Thị M trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đỗ Thị Kim N sinh ngày 12/11/2013 và cháu Đỗ Lê Kim L1 sinh ngày 25/5/2017 cho ông Đỗ Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thị M, ông Đỗ Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị M và ông Đỗ Thanh T đều trình bày không có, nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Lê Thị M và ông Đỗ Thanh T đều trình bày không có, nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Lê Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000066 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Bà Lê Thị M đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP.Quảng Ngãi;
- UBND xã Tịnh Ấn Đông, TP.Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Quang Hải